DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (SỐ 2)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 2)

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 3226 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *26* ***tháng 10 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Trung tâm dịch vụ khoa học kỹ thuật**
Laboratory:	***Science and Technology Service Center***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia**
Organization:	***National Institute for Food Control***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 203**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hoá**
Field:	***Chemical***
Người quản lý:	**Lê Thị Hồng Hảo**
Laboratory manager:	***Le Thi Hong Hao***
Hiệu lực công nhận: *period of Validation:*	**Kể từ ngày** *26* **/10/2026 đến ngày** *25* **/10/2031**
Địa chỉ: *Address*:	**Số 65 Phạm Thận Duật, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội** ***No 65, Pham Than Duat Street, Phu Dien ward, Ha Noi***
Địa điểm: *Location:*	**Số 65 Phạm Thận Duật, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội** ***No 65, Pham Than Duat Street, Phu Dien ward, Ha Noi***
Điện thoại/ *Tel*:	**02439714512**
Email:	**qm@nifc.gov.vn**
Website:	**www.nifc.gov.vn**

Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Sữa tươi tiệt trùng** ***Sterilized fresh milk***	Xác định tỷ trọng *Determination of density*	-	TCVN 7028:2009
2.	**Tinh dầu** ***Essential oils***	Xác định tỷ trọng *Determination of density*	-	TCVN 8444:2010
3.	**Phụ gia thực phẩm** ***Food additives***	Xác định tỷ trọng *Determination of density*	-	TCVN 6469:2010
4.	**Sữa bột và sản phẩm sữa bột** ***Dried mild and dried milk products***	Xác định mật độ khối *Determination of bulk density*	-	TCVN 6842:2007
5.	**Thực phẩm chức năng dạng lỏng** ***Liquid functional food***	Xác định tỷ trọng/khối lượng riêng *Determination of density*	-	NIFC.05.M.197 (2026) *(*Ref. Dược điển Việt Nam/*Vietnamese Pharmacopoeia)*
6.	**Thực phẩm dạng lỏng, nguyên liệu thực phẩm dạng lỏng, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm dạng lỏng, thức ăn chăn nuôi dạng lỏng, mỹ phẩm dạng lỏng, chất tẩy rửa dạng lỏng** ***Liqid food, liquid raw material, liquid processing aids, liquid animal feeding stuffs, liqid cosmetics and liquid detergents***	Xác định tỷ trọng/khối lượng riêng *Determination of density*	-	NIFC.05.M.197 (2026)

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
7.	**Thực phẩm dạng bột, nguyên liệu thực phẩm dạng bột, phụ gia thực phẩm dạng bột, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm dạng bột** ***Powder food, powder raw material, powder food additives, powder processing aids***	Xác định tỷ khối, mật độ khối, khối lượng riêng *Determination of relative density, bulk density, density*	-	NIFC.05.M.197 (2026)
8.	**Thực phẩm chức năng** ***Functional food***	Xác định khối lượng và thể tích trung bình đơn vị đóng gói *Determination of average weight and volume of packaging unit*	-	NIFC.05.M.198 (2026) (Ref. Dược điển Việt Nam/*Vietnamese Pharmacopoeia*)
9.	**Thực phẩm** ***Food***	Xác định khối lượng và thể tích trung bình đơn vị sản phẩm *Determination of average weight and volume of product unit*	-	NIFC.05.M.198 (2026)
10.	**Thực phẩm, thực phẩm chức năng** ***Food, Functional food***	Xác định độ đồng đều khối lượng và thể tích *Determine the uniformity of mass and volume*	-	NIFC.05.M.198 (2026) (Ref. Dược điển Việt Nam/ *Vietnamese Pharmacopoeia*)

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- NIFC.xx.M.yyy: Phương pháp đo do phòng thí nghiệm xây dựng/*Laboratory developed method*

Trường hợp Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for National Institute for Food Control that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*